

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08/5/2020

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Biên Cương
2. Ông Lý Đình Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 08/5/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/3/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/4/2020 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh Đặng Công L, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi sinh: Xóm 2, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài).

Địa chỉ cuối cùng của chị Nguyễn Thị V tại Việt Nam: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 12/12/2019
Nguyên đơn anh Đặng Công L trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị V kết hôn vào ngày 15/02/2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị V về nhà anh làm dâu ở chung cùng gia đình anh được một tuần, sau đó chị V tiếp tục đi Nhật Bản lao động (trước đó anh và chị V đã đi Nhật Bản và về Việt Nam nghỉ phép để làm thủ tục kết hôn với nhau). Đầu tháng 3/2016 anh và chị V lại tiếp tục đi sang Nhật Bản lao động. Quá trình ở Nhật Bản anh, chị chung sống hạnh phúc được khoảng 6 tháng, sau đó khoảng tháng 10/2016 chị V về Việt Nam sinh con và ở nhà anh được một tuần thì mâu thuẫn với mẹ anh nên chị V đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Hà Nam để sinh con. Sinh con xong thì khoảng tháng 10/2017 chị V lại sang Nhật Bản lao động và vợ chồng chung sống với nhau. Do chị V mâu thuẫn với mẹ chồng từ trước và anh đã khuyên bảo hoà giải giữa mẹ anh và chị V nhưng chị V không nghe nên vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, chị V còn quấy rối khách hàng và phá đám công việc của anh. Vợ chồng anh chị đã không còn quan tâm đến nhau và sống ly thân từ tháng 10/2018. Tháng 12/2018 thì anh về Việt Nam sinh sống hẳn, kể từ đó đến nay vợ chồng anh không còn liên lạc với nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị V.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Đặng Huyền M, sinh ngày 29/4/2017. Hiện nay cháu M đang ở với chị V và ông bà ngoại. Ly hôn anh đề nghị giao con chung là cháu Đặng Huyền M cho chị Nguyễn Thị V nuôi dưỡng. Về phí tổn nuôi con anh không đề nghị giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh L còn trình bày: Hiện nay chị V vẫn ở Nhật Bản, địa chỉ cụ thể của chị V ở Nhật Bản anh không cung cấp được cho Tòa án được vì chị V đã chuyển đi ở địa chỉ khác sống và làm việc nên anh không có để cung cấp cho Tòa án được. Chị V vẫn liên lạc về gia đình nhưng bố mẹ của chị V là ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1966 và bà Đoàn Thị V, sinh năm 1971 trú tại: xóm 2, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam cố tình giấu địa chỉ nên anh không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị V được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Nguyễn Thị V.

Bị đơn chị Nguyễn Thị V hiện đang lao động tại Nhật Bản không có bản tự khai, vắng mặt tại phiên tòa.

Ngày 07/02/2020 và ngày 17/02/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị V là bà Đoàn Thị V, sinh năm 1971; trú tại: xóm 2, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam để giao thông báo thụ lý vụ án

và yêu cầu bà V thông báo cho chị V biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Đặng Công L và chị Nguyễn Thị V; yêu cầu chị V viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu bà V cung cấp địa chỉ cụ thể của chị V ở Nhật Bản. Tuy nhiên qua 2 lần làm việc bà V vẫn giữ nguyên quan điểm là chị V ở Nhật Bản vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị V ở Nhật Bản cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của chị V, đồng thời bà cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị V biết để chị V gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị V gửi về.

Bà Đoàn Thị V trình bày: Bà là bà ngoại của cháu Đặng Huyền M, hiện nay cháu M đang ở cùng ông bà, cháu đang đi học mẫu giáo và phát triển bình thường, con gái bà là chị Nguyễn Thị V vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình và thường xuyên gửi tiền về cho bà và gia đình để nuôi dưỡng cháu.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Đặng Công L vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị V vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh L; Biên bản làm việc với mẹ đẻ của chị V là bà Đoàn Thị V và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tóm tắt nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn anh Đặng Công L có đơn xin xét xử vắng mặt, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Nguyễn Thị V không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị V; Căn cứ vào các quy định của pháp luật xử vắng mặt chị V là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51; điều 53; điều 56, điều 81, 82, 83 và khoản 2 điều 123 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 238; điều 271; điều 273; điểm b khoản 1 Điều 470, khoản 2 điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Công L. Xử cho anh Đặng Công L được ly hôn chị Nguyễn Thị V.

Về con chung: Giao con chung là cháu Đặng Huyền M, sinh ngày 29/4/2017 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Anh L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Anh Đặng Công L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Đặng Công L là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh L.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị V vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của chị V là bà Đoàn Thị V để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà V thông báo cho chị V biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Đặng Công L và chị Nguyễn Thị V; Yêu cầu chị V viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu bà V cung cấp địa chỉ cụ thể của chị V ở Nhật Bản. Bà Đoàn Thị V trình bày: Chị V vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà bà V vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị V cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị V biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị V theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: Anh Đặng Công L là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị V, chị V hiện đang lao động tại Nhật Bản nhưng không rõ địa chỉ. Theo Công văn số 422/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 09/01/2020 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh-Bộ công an, thì chị V xuất cảnh ngày 20/10/2019 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị V ở Việt Nam là: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Anh L và chị V kết hôn năm 2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh L trình bày: Anh và chị V quen nhau ở bên Nhật Bản sau đó anh và chị V về Việt Nam nghỉ phép và làm thủ tục kết hôn, sau khi kết hôn chị về nhà anh làm dâu và ở chung cùng gia đình anh được một tuần thì anh, chị V lại sang Nhật Bản lao động. Trong quá trình chung sống ở Nhật bản ban đầu vợ chồng anh chị sống với nhau hạnh phúc, sau đó chị V có về Việt Nam để sinh con và ở nhà anh được một tuần thì phát sinh mâu thuẫn với mẹ anh nên chị V đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Sau đó chị V lại sang Nhật Bản lao động, do chị V và mẹ anh có mâu thuẫn với nhau anh đã khuyên bảo hoà giải nhưng chị V không nghe nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 10/2018 đến nay vợ chồng anh đã sống ly thân, không còn liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai nữa, và từ tháng 12/2018 anh đã về Việt Nam sinh sống hẳn. Nay anh xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị V.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đặng Công L với chị Nguyễn Thị V, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh L và chị V chung sống với nhau hạnh phúc, do chị V có mâu thuẫn với mẹ chồng và đã được anh L khuyên bảo hoà giải nhưng chị V không nghe nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng phát sinh thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 10/2018 đến nay anh L và chị V đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh L và chị V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh L đối với chị V. Xử cho anh Đặng Công L được ly hôn chị Nguyễn Thị V .

[4]. Về con chung: Anh L và chị V có 1 con chung là cháu Đặng Huyền M, sinh ngày 29/4/2017. Ly hôn anh đề nghị giao con chung cho chị V nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Công L về nuôi con chung, anh L đề nghị giao con chung là cháu Đặng Huyền M, sinh ngày 29/4/2017 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, vì hiện nay cháu M đang ở cùng ông bà ngoại là bố, mẹ đẻ của chị V, cháu M được ông bà ngoại chăm sóc phát triển bình thường. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu này của anh L là phù hợp và cũng đảm bảo ổn định tâm lý cũng như chỗ ở của cháu M. Mặt khác, cháu M vẫn thường xuyên được chị V và ông bà ngoại quan tâm chăm sóc. Nên căn cứ điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Đặng Huyền M, sinh ngày 29/4/2017 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Anh L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do không có đương sự nào yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản, công nợ: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Đặng Công L phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Công L được ly hôn chị Nguyễn Thị V.

2.Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đặng Huyền M, sinh ngày 29/4/2017 đến khi con chung tròn 18 tuổi. Anh L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

3.Về án phí: Anh Đặng Công L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000560 ngày 03/2/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh L đã nộp đủ 300.000 đồng.

4.Về quyền kháng cáo bản án: Anh Đặng Công L vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Nguyễn Thị V hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã P, huyện L.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

